

Số: 365 /KH-UBND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Khắc phục những tồn tại, hạn chế Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2022, nâng cao chất lượng các chỉ số năm 2023

Căn cứ kết quả chỉ số cải cách hành chính (CCHC) cấp tỉnh (chỉ số PAR INDEX), chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (chỉ số SIPAS) và chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (chỉ số PAPI) năm 2022, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế các chỉ số năm 2022, nâng cao chất lượng các chỉ số năm 2023 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Duy trì kết quả các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP) của các chỉ số đạt tỷ lệ điểm tối đa và khắc phục những TC, TCTP không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa trong năm 2022, để cải thiện, nâng cao chất lượng các chỉ số năm 2023.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành trong việc thực hiện CCHC, góp phần nâng cao chất lượng các chỉ số cấp tỉnh. Phân đấu các chỉ số năm 2023 ở vị trí cao hơn năm 2022 và tiếp tục cải thiện vị trí xếp hạng trong các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Người đứng đầu các cấp, các ngành nêu cao tinh thần trách nhiệm và tập trung chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục các nội dung TC, TCTP không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa đã được chỉ ra; tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung cần khắc phục để cải thiện, nâng cao kết quả các chỉ số năm 2023.

- Khắc phục những điểm số không đạt trong năm 2022 phải gắn với duy trì, nâng cao các nội dung đạt điểm chỉ số tốt trong những năm qua. Đồng thời, phải gắn với việc thực hiện Kế hoạch CCHC năm của tỉnh; các kế hoạch thuộc chuyên môn của ngành, lĩnh vực được UBND tỉnh giao tham mưu tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục duy trì, nâng cao các nội dung chỉ số CCHC đã đạt được kết quả và đạt điểm tối đa trong năm 2022, để nâng cao chất lượng chỉ số năm 2023 với mục tiêu các TC, TCTP duy trì đạt điểm tối đa (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

2. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế các nội dung chỉ số CCHC không đạt điểm và chưa đạt điểm tối đa trong năm 2022, để cải thiện chất lượng các chỉ số năm 2023 với mục tiêu phân đấu các TC, TCTP đạt điểm tối đa, trừ các tiêu chí điều tra xã hội học (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

3. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế các nhóm TC, TCTP chỉ số SIPAS đạt tỷ lệ thấp trong năm 2022, để cải thiện chất lượng các chỉ số năm 2023 với mục tiêu phấn đấu các nhóm TC, TCTP đạt tỷ lệ cao hơn năm 2022 là 10,00% (chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

4. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế các chỉ số nội dung, nội dung thành phần chỉ số PAPI đạt điểm thấp trong năm 2022, để nâng cao chỉ số năm 2023 với mục tiêu phấn đấu các chỉ số nội dung thành phần đạt điểm cao hơn năm 2022 là 0,50 điểm (chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành và tương đương; UBND cấp huyện

- Căn cứ các nhiệm vụ và giải pháp được giao chủ trì thực hiện tại Mục II Kế hoạch này xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương trước ngày 20/6/2023 để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao và tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện.

- Phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định về phân cấp để thực hiện.

- Chỉ đạo lãnh đạo các phòng chuyên môn nâng cao trách nhiệm trong việc tham gia trả lời phiếu điều tra xã hội học các chỉ số hàng năm.

2. Các sở, ngành được giao chủ trì tham mưu thực hiện 08 lĩnh vực chỉ số CCHC của tỉnh chủ động tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành và tương đương, UBND cấp huyện thực hiện tốt những nhiệm vụ CCHC thuộc lĩnh vực.

3. Khi thực hiện tự chấm điểm bám sát yêu cầu hướng dẫn của Bộ Nội vụ và cung cấp tài liệu kiểm chứng đầy đủ, kịp thời.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thường xuyên thông tin, tuyên truyền kịp thời tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh.

5. Đề nghị Báo Bắc Kạn; các cơ quan báo chí Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tích cực đưa tin, bài về tình hình triển khai, kết quả thực hiện CCHC của tỉnh, nhất là việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với người dân và doanh nghiệp.

6. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp tuyên truyền, phổ biến các văn bản về CCHC của Trung ương, của tỉnh đến các tổ chức công đoàn và đoàn viên công đoàn trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các tổ chức công đoàn cơ sở vận động các đoàn viên công đoàn tích cực thực hiện công tác CCHC.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC, đặc biệt là công tác giải quyết TTHC của các đơn vị, địa phương, kiến nghị kịp thời thực hiện các giải pháp, biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục những tồn tại, hạn chế; chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã thực hiện tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện CCHC tại các địa phương.

8. Đề nghị Cục Thuế tỉnh (là đơn vị quản lý về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh): Cung cấp tài liệu, số liệu kiểm chứng kịp thời đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần liên quan đến thu ngân sách của tỉnh (Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp; Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo kế hoạch được Chính phủ giao).

9. Các thành viên Ban chỉ đạo CCHC tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch đề ra.

10. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực về CCHC của tỉnh:

- Phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện tốt công tác điều tra xã hội học chỉ số PARINDEX và chỉ số SIPAS năm 2023.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công tác CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã theo hướng đi sâu vào chất lượng thực hiện công tác CCHC, phù hợp với thực tiễn công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch; hết tháng 12/2023 báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế chỉ số PAR INDEX, chỉ số SIPAS và chỉ số PAPI năm 2022, nâng cao chất lượng các chỉ số năm 2023. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đề kịp thời điều chỉnh phù hợp với thực tiễn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Báo Bắc Kạn;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Bắc Kạn;
- Các sở, ngành và tương đương;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan báo chí TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

Phụ lục 1. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC DUY TRÌ THỰC HIỆN NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH						
1	TC 1.1. Thực hiện kế hoạch CCHC	1,50	100% nhiệm vụ kế hoạch được hoàn thành đúng tiến độ	Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC năm 2023, để đến hết tháng 12/2023 hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
2	TC 1.2. Công tác kiểm tra CCHC	2,00	- Tổ chức kiểm tra trên 30% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện - Xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Xây dựng quyết định thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại các đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị được kiểm tra trong năm	Quý III-IV/2023
3	TC 1.4. Công tác tuyên truyền CCHC	1,00	Thực hiện đầy đủ các hình thức tuyên truyền theo quy định	Tổ chức hội nghị tuyên truyền CCHC theo quy định; Đăng tải tin, bài trên Trang thông tin điện tử tỉnh Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền CCHC trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Thông tin và Truyền thông Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
4	TC 1.6. Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	1,00	Tổ chức tối thiểu 02 cuộc đối thoại trở lên (<i>Trực tiếp/trực tuyến</i>) 100% kiến nghị, đề xuất của người dân, tổ chức qua đối thoại được xử lý theo quy định	- Xây dựng các chương trình, kế hoạch và các văn bản liên quan để tổ chức đối thoại; - Tổng hợp đầy đủ các kiến nghị, đề xuất của người dân, tổ chức qua đối thoại và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định	Các Sở: Công thương; Lao động - Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh; người dân, doanh nghiệp	Năm 2023
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ						
1	TC 2.1. Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	3,00	- Đảm bảo thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi thi hành pháp luật (<i>Kiểm tra; thu thập thông tin; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật</i>); ban hành đầy đủ văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Ban hành kế hoạch, xây dựng báo cáo theo đúng thời gian quy định	Thực hiện tốt các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kịp thời xử lý, kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định của pháp luật	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Năm 2023
2	TC 2.2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	1,50	100% văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực được công bố theo quy định	Chủ động tự kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL để kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, thiếu tính khả thi hoặc không còn phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành ở địa phương, đơn vị			Thường xuyên
3	TC 2.3. Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1,50	100% văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị được xử lý theo quy định				

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
III							
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
1	TCTP 3.2.3. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1,00	100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tiếp tục theo dõi đôn đốc các cơ quan, đơn vị duy trì thực hiện tốt hoạt động cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
				Số liệu hồ sơ TTHC được đồng bộ với Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông		Thường xuyên
2	TC 3.3. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3,00	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (bao gồm các cơ quan, ngành dọc) trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (đối với các TTHC được quy định phải thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông)	Việc ký số thành phần hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo đúng quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Từ 01/6/2023
				Hồ sơ thủ tục hành chính được cập nhật đầy đủ, kịp thời tại Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh			Thường xuyên
3	TCTP 3.4.4. Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,25	100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn được công khai xin lỗi theo quy định	Hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn được công khai xin lỗi theo quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4	TC 3.5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1,00	100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xử lý và công khai kết quả xử lý theo quy định	Phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xử lý và công khai kết quả xử lý theo quy định			
IV							
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY							
1	TCTP 4.1.1. Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện	1,00	100% cơ quan, đơn vị được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của trung ương	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo các nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của bộ, ngành liên quan.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên
2	TCTP 3.4.3. Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1,00	100% vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý theo quy định	Xử lý kịp thời, đầy đủ các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện được thanh tra, kiểm tra trong năm	Các Sở: Nội vụ; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm 2023

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
V							
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	TCTP 5.2.1. Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,25	100% đợt tuyển dụng công chức, viên chức thực hiện đúng theo quy định	Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyển dụng công chức, viên chức	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tuyển dụng công chức, viên chức trong năm 2023	Sở Nội vụ	Năm 2023
2	TCTP 5.3.1. Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	0,75	100% lãnh đạo quản lý được bổ nhiệm đúng quy định	Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý tại các cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Năm 2023
VI							
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	TCTP 6.1.2. Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1,00	100% cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đúng quy định nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và tài sản công			Sở Tài chính	Thường xuyên
2	TCTP 6.2.2. Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1,00				Sở Tài chính	Thường xuyên
3	TCTP 6.3.3. Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1,00	100% cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đúng quy định nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và tài sản công			Sở Tài chính	Thường xuyên
4	TCTP 6.2.3. Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	Phần đầu trên 96,8% số cơ sở nhà đất được phê duyệt phương án sắp xếp lại	Tiếp tục rà soát trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	Sở Tài chính	Năm 2023
5	TCTP 6.3.1. Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0,25	Phần đầu có 01 đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Tiếp tục rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện xây dựng phương án tự đảm bảo chi thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		
VII							
XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ							
1	TCTP 7.1.1. Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	0,50	Duy trì thực hiện tốt các nền tảng, cơ sở dữ liệu	Tiếp tục duy trì cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh bảo đảm tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã ban hành.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
2	TCTP 7.1.3. Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	1,00	Duy trì thực hiện tốt 02/02 ứng dụng có dữ liệu dùng chung	Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả Cổng Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh.			
3	TC 7.2. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	3,00	Duy trì thực hiện tốt Phần mềm quản lý văn bản; Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Đẩy mạnh việc thực hiện cập nhật, luân chuyển hồ sơ văn bản hành chính trên phần mềm quản lý văn bản đầy đủ, kịp thời theo quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
4	TCTP 7.3.4. Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	1,00	Duy trì tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt 34,63%, cấp huyện đạt 27,78%, cấp xã đạt 17%	Duy trì thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
VIII TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI							
1	TC 8.2. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1,00	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh năm 2023 cao hơn 2022	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai mạnh quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; tiếp tục bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tăng cường công khai minh bạch các chính sách pháp luật liên quan tới doanh nghiệp. - Tăng cường công tác tuyên truyền phát triển kinh tế tư nhân phát triển doanh nghiệp chú trọng công tác tuyên truyền pháp luật về đầu tư kinh doanh; về cơ chế, chính sách tăng cường quảng bá xúc tiến đầu tư vận động đầu tư vào tỉnh; tăng cường hoạt động hỗ trợ, cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp - Kịp thời nắm bắt, hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trong việc giải quyết những vấn đề về pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, chú trọng nghiên cứu, triển khai các sáng kiến, giải pháp đẩy mạnh cải cách TTHC trong lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết TTHC 	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, BAN, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên
2	TCTP 8.3.1. Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	0,50	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường năm 2023 cao hơn 2022				
3	TCTP 8.3.3. Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1,00	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm 2023 cao hơn 2022				

Phụ lục 2. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022 VÀ CẢI THIỆN CHỈ SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH							
1	TC 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	0,5000	0,0000	Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng các báo cáo CCHC định kỳ và thực hiện đúng thời gian quy định của Bộ Nội vụ	<p>Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian quy định</p> <p>Thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề định kỳ đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian quy định</p>	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Trước ngày 12 tháng cuối quý và ngày 12/12/2023
						Văn phòng UBND tỉnh; các sở: Thông tin và Truyền thông; Tư pháp; Tài chính	Sở Nội vụ	
2	TC 1.5. Đổi mới sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	2,0000	1,0000	Tối thiểu có 03 sáng kiến, giải pháp mới đạt yêu cầu quy định	<p>Tiếp tục đôn đốc các đơn vị tìm sáng kiến giải pháp trong thực hiện CCHC</p> <p>Tuyên truyền, vận động và khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tìm giải pháp, sáng kiến mới nâng cao hiệu quả công việc trong thực hiện nhiệm vụ được giao</p>	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
						Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	
3	TC 1.7. Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5000	1,2750	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng chính phủ giao được hoàn thành đúng tiến độ	<p>Tăng cường theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; đồng thời cập nhật đầy đủ, kịp thời việc thực hiện các nhiệm vụ trên phần mềm theo dõi nhiệm vụ</p> <p>Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; đảm bảo các nhiệm vụ được giao tham mưu thực hiện có chất lượng, kịp thời, đúng thời gian quy định.</p>	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
						Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	TCTP 2.4.1. Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do địa phương ban hành (Điều tra XHH)	1,0000	0,7646	100% văn bản QPPL ban hành trong năm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý và có tính khả thi cao	- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng các văn bản QPPL; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản theo quy định - Nâng cao trách nhiệm trong việc đánh giá phiếu khảo sát điều tra xã hội học chỉ số CCHC năm	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Thường xuyên
2	TCTP 2.4.2. Tính hợp lý của các VBQPPL do địa phương ban hành (Điều tra XHH)	1,0000	0,7262		Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định văn bản QPPL	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện	
3	TCTP 2.4.3. Tính khả thi của các VBQPPL do địa phương ban hành (Điều tra XHH)	1,0000	0,7078					

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
4	TCTP 2.4.4. Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương (Điều tra XHH)	1,0000	0,8742	100% bất cập, vướng mắc phát hiện khi tổ chức thực hiện các văn bản QPPL được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời	Tăng cường công tác theo dõi tổ chức thực hiện các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện	Thường xuyên
III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH								
1	TC 3.1. Kiểm soát TTHC	1,0000	0,5000	100% văn bản QPPL có quy định TTHC được kiểm soát trước khi ban hành	Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC tại dự thảo văn bản QPPL của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
2	TCTP 3.2.1. Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	0,5000	0,0000	100% danh mục TTHC được công bố, công khai đầy đủ, kịp thời theo quy định	Theo dõi, đôn đốc các sở, ngành công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định			
3	TCTP 3.2.2. Công khai TTHC và các quy định có liên quan	1,5000	0,7500	Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định	Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	
4	TC 3.4. Kết quả giải quyết TTHC	5,0000	4,9928	100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	Nâng cao trách nhiệm của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã		
IV CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY								
1	TCTP 4.1.2. Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	1,5000	1,3500	Thực hiện tự đánh giá chấm điểm cung cấp tài liệu kiểm chứng đảm bảo đúng yêu cầu và đầy đủ theo quy định	Bám sát các yêu cầu, quy định và cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng khi thực hiện tự đánh giá chấm điểm nội dung cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng trực thuộc UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 01/2024
2	TCTP 4.1.3. Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	1,0000	0,9160	Giảm tối thiểu 01 đơn vị sự nghiệp	Tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát sắp xếp các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu quả	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên
3	TCTP 4.1.4. Tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh (Điều tra XHH)	1,0000	0,6963	Sắp xếp các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu quả				
4	TCTP 4.1.5. Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương (Điều tra XHH)	1,0000	0,7139	Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được quy định cụ thể theo quy định	Tiếp tục rà soát xây dựng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn các cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ	
5	TCTP 4.1.6. Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh (Điều tra XHH)	1,0000	0,7201		Triển khai thực hiện tốt các quy định về Quy chế làm việc của UBND tỉnh theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
6	TCTP 4.3.4. Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện (Điều tra XHH)	1,0000	0,6966	Các quy định về phân cấp, phân quyền của tỉnh đảm bảo đúng quy định của luật hiện hành và hợp lý trong thực hiện	- Tăng cường phân cấp cho các đơn vị cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; - Triển khai thực hiện tốt các quy định về phân cấp, phân quyền quản lý trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Thường xuyên
V	CÁI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	TCTP 5.1.2. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị của tỉnh bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1,5000	1,0000	Phần đầu 98% cơ quan, đơn vị của tỉnh bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Tiếp tục rà soát bố trí công chức, viên chức đúng theo vị trí việc làm	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên
2	TC 5.4. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương	1,5000	1,0000	100% cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương công vụ	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương công vụ	Sở Nội vụ Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã Sở Nội vụ	
3	TC 5.2. Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức (Điều tra XHH)	2,0000	1,7087	100% công chức, viên chức được tuyển dụng đúng quy định của luật hiện hành	Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức đúng quy định của luật hiện hành	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị tuyển dụng trong năm 2023	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2023
4	TC 5.3. Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức (Điều tra XHH)	2,0000	1,6269	100% công chức, viên chức lãnh đạo quản lý được bổ nhiệm đúng quy định luật hiện hành	Thực hiện đúng các quy định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm công chức, viên chức	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	
5	TC 5.5. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (Điều tra XHH)	1,0000	0,6821	Nâng cao chất lượng các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Tiếp tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ; một số đơn vị liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	
6	TC 5.7. Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức (Điều tra XHH)	4,0000	2,6994	100% công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao; có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong giải quyết công việc	- Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng công chức, viên chức; - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương công vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	TCTP 6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1,0000	0,7568	Phân đầu hoàn thành 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đảm bảo thời gian hoàn thành kế hoạch Đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đảm bảo thời gian hoàn thành kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện	Năm 2023
2	TCTP 6.1.3. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,0000	0,7817	Phân đầu thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán đạt từ 80% trở lên	Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh đôn đốc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán Đẩy mạnh việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Sở Tài chính	Các đơn vị dự toán, UBND cấp huyện	Năm 2023
3	TCTP 6.3.2. Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,7500	0,2500	Phân đầu có từ 02 đơn vị sự nghiệp trở lên tăng tỷ lệ tự chủ về chi thường xuyên	Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó tập trung thực hiện: - Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;	Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; các sở, ngành có đơn vị sự nghiệp trực thuộc; UBND cấp huyện	Sở Tài chính	
4	TCTP 6.3.4. Tỷ lệ giảm chi ngân sách trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	1,0000	0,0000	Phân đầu giảm tỷ lệ chi ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp công lập	- Đẩy mạnh thực hiện cung cấp dịch vụ công theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc tỉnh; trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.			
5	TCTP 6.1.4. Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính (Điều tra XHH)	1,0000	0,6711	100% cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Nâng cao hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, đơn vị			Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
6	TCTP 6.2.4. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị (Điều tra XHH)	1,0000	0,7025	100% cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí quản và tài sản công đúng quy định luật hiện hành	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm toán tại các cơ quan, đơn vị	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
7	TCTP 6.2.5. Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công (Điều tra XHH)	1,0000	0,6981					
8	TCTP 6.3.5. Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL (Điều tra XHH)	1,0000	0,6467	100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ	Nâng cao hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ quan, đơn vị	Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; các sở, ngành có đơn vị sự nghiệp trực thuộc; UBND cấp huyện	Sở Tài chính	

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
VII XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ								
1	TCTP 7.1.2. Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	1,0000	0,0000	Triển khai đầy đủ, kịp thời nền tảng điện toán đám mây	Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai nền tảng điện toán đám mây và có hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn kết nối. Trên cơ sở điều kiện tiêu chuẩn kết nối của Bộ Thông tin và Truyền thông, nếu Trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng thì thực hiện kết nối theo yêu cầu; trường hợp Trung tâm dữ liệu của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu kết nối thì Sở Thông tin và Truyền thông sẽ báo cáo UBND tỉnh và đề xuất giải pháp nâng cấp Trung tâm dữ liệu phù hợp yêu cầu để thực hiện kết nối	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan	Khi có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
2	TCTP 7.1.4. Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1,0000	0,6000	Đảm bảo 100% dịch vụ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được sử dụng chính thức	Phối hợp với các cơ quan liên quan đưa vào sử dụng chính thức tối đa các dịch vụ dữ liệu còn thiếu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia đảm bảo 100% dịch vụ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được sử dụng chính thức như: Chia sẻ dữ liệu đăng kiểm phương tiện; Đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả TTHC lĩnh vực đường bộ; CSDL quốc gia về dân cư; CSDL quốc gia về giá; Liên thông tài nguyên môi trường - Thuê; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam			Các cơ quan, đơn vị, địa phương; đơn vị cung cấp phần mềm
3	TCTP 7.3.3. Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1,0000	0,0000	Phấn đấu hoàn thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong năm 2023.	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên cơ sở hợp nhất Công dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	
4	TCTP 7.3.6. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5000	1,3968	100% hồ sơ của TTHC toàn trình được giải quyết trực tuyến	Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến góp phần tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của tỉnh, cụ thể: triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; nâng cấp trang thiết bị tại bộ phận một cửa các cấp	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
					Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC; rà soát TTHC đủ điều kiện cung cấp thành DVCTT toàn trình; nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến... nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	
5	TCTP 7.3.7. Thực hiện thanh toán trực tuyến	1,5000	0,5181	Phấn đấu tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ giao dịch cao hơn năm 2022	Khắc phục những lỗi thường gặp trong quá trình thực hiện thanh toán trực tuyến qua Hệ thống Paygov và qua Công dịch vụ công quốc gia; đề nghị các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh hỗ trợ tạo tài khoản miễn phí cho người dân khi thanh toán trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Đơn vị cung cấp phần mềm; các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên
					- Tăng cường công tác tuyên truyền góp phần thay đổi thói quen của người dân; hướng dẫn thanh toán trực tuyến bằng video trực quan, dễ hiểu; cử cán bộ, đoàn viên thanh niên hỗ trợ trực tiếp người dân khi thanh toán trực tuyến; - Nâng cấp trang thiết bị tại bộ phận một cửa các cấp phục vụ thanh toán trực tuyến (máy quét mã hồ sơ, máy vi tính...); bảo đảm an toàn thông tin cá nhân của người dân khi thực hiện thanh toán trực tuyến... nhằm nâng cao tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
6	TCTP 7.3.2. Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (Điều tra XHH)	1,0000	0,7374	Đảm bảo 100% thông tin trên Trang TTĐT của tỉnh được cung cấp đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận	Nâng cao chất lượng Cổng/trang thông tin điện tử, trong đó đảm bảo cung cấp kịp thời, đủ thông tin và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
VII I	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI							
1	TCTP 8.3.2. Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	0,5000	0,0000	Phấn đấu tăng tổng số vốn đăng ký doanh nghiệp năm 2023 cao hơn năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; tiếp tục Bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ về phát triển KTXH, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tăng cường công khai minh bạch các chính sách pháp luật liên quan tới doanh nghiệp. - Tăng cường công tác tuyên truyền phát triển kinh tế tư nhân phát triển doanh nghiệp chú trọng công tác tuyên truyền pháp luật về đầu tư kinh doanh; về cơ chế, chính sách tăng cường quảng bá xúc tiến đầu tư vận động đầu tư vào tỉnh; tăng cường hoạt động hỗ trợ, cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp. - Kịp thời nắm bắt, hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trong việc giải quyết những vấn đề về pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, chú trọng nghiên cứu, triển khai các sáng kiến, giải pháp đẩy mạnh cải cách TTHC trong lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết TTHC. - Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt thông tin giải đáp thắc mắc, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tại tỉnh. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên
2	TC 8.4. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1,5000	0,5000	Phấn đấu thu ngân sách năm 2023 ở vị trí thứ 11 đến 30 tỉnh, thành phố	Đẩy mạnh việc thu ngân sách trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cục thuế tỉnh	Năm 2023

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
3	TC 8.5. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HDND tỉnh giao	2	1,4231	Phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HDND tỉnh giao	<p>- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Tham mưu tổ chức thực hiện tốt các giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm trật tự an toàn xã hội để duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế</p> <p>- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội năm 2023 theo kịch bản tăng trưởng đã đề ra. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng chống dịch Covid -19, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình, đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và tăng trưởng của từng ngành, từng lĩnh vực để cập nhật kịch bản tăng trưởng phù hợp. Có đối sách nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất kinh doanh, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã đề ra</p> <p>- Tiếp tục hỗ trợ, giải quyết khó khăn của từng dự án đã được cấp/chấp thuận chủ trương đầu tư và các dự án đang thực hiện nghiên cứu khảo sát; hàng tuần, báo cáo tình hình thực hiện các dự án ngoài ngân sách, tham mưu giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2023
					<p>Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Đề án mỗi xã phường một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả và đảm bảo tính bền vững. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách và hướng dẫn thực hiện Chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, phân bổ vốn kịp thời, đúng quy định và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Chương trình</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
					<p>Tiếp tục tham mưu bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là hệ thống trường lớp học vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các trường học dự kiến đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia sát với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tập trung nguồn lực đầu tư để hoàn thành kế hoạch đề ra</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo		

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
3	TC 8.5. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao	2	1,4231	Phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao	<p>Tham mưu triển khai các dự án y tế từ nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các tập trung đầu tư dự án đầu tư cơ sở hạ tầng để sớm hoàn thành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện, phát triển mạng lưới y tế địa phương, nhất là y tế dự phòng và y tế cơ sở. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế đã được đầu tư. Triển khai xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2025</p> <p>Tham mưu tiếp tục triển khai Đề án tổng thể Chuyển đổi số của tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; tập trung xây dựng hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, CSDL của các Bộ, ngành với các hệ thống thông tin của tỉnh; thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC hướng tới việc hiện đại hóa quy trình, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình</p>	<p>Sở Y tế</p> <p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2023

Phụ lục 3. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH NĂM 2022, CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đổi đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
	TỔNG	75,24	85,24				
I	NHÓM TIÊU CHÍ XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH						
1	Trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước	76,15	86,15				
1.1	Hình thức cơ quan nhà nước cung cấp, giải thích thông tin về các chính sách	75,59	85,59	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích các chính sách liên quan đến người dân, tổ chức bằng nhiều hình thức giúp người dân, tổ chức dễ tiếp cận, dễ tìm, dễ thấy	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên
1.2	Chất lượng thông tin cơ quan nhà nước cung cấp về các chính sách	76,71	86,71	Cung cấp thông tin về các chính sách cho người dân, tổ chức đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, dễ hiểu			
2	Cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng tổ chức thực hiện chính sách	73,85	83,85				
2.1	Hình thức cơ quan nhà nước lấy ý kiến góp ý của người dân, tổ chức về các chính sách	74,57	84,57	Khi xây dựng hoặc triển khai thực hiện các chính sách, tổ chức xin ý kiến góp ý của người dân, tổ chức bằng nhiều hình thức giúp mọi người dân dễ tiếp cận tham gia góp ý dễ dàng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn; Báo Bắc Kạn	Khi xây dựng hoặc triển khai các chính sách

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
2.2	Hình thức giúp người dân tham gia phản hồi ý kiến về kết quả tác động của chính sách đến cơ quan nhà nước	73,13	83,13	Xây dựng các hình thức, kênh thông tin tạo kiện thuận lợi nhất để người dân, tổ chức phản hồi ý kiến về kết quả tác động của chính sách đến họ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Thường xuyên
3	Chất lượng chính sách	75,68	85,68				
3.1	Sự phù hợp của chính sách về phát triển kinh tế ở địa phương	72,10	82,10	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về đầu tư, kinh doanh, việc làm,...	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Khi xây dựng các văn bản
				- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về đầu tư, kinh doanh, việc làm			
				- Triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định chính sách về tín dụng	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên
				- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về tín dụng			
				Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách đầu tư, kinh doanh, việc làm, tín dụng,...	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các ngân hàng trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	Thường xuyên

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
3.2	Sự phù hợp của chính sách khám, chữa bệnh	78,60	88,60	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về bệnh viện, phòng khám, trạm y tế; việc khám, chữa bệnh; viện phí; bảo hiểm y tế;... - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về khám, chữa bệnh	Sở Y tế; BHXH tỉnh Bắc Kạn	Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, cấp xã; Bệnh viện đa khoa tỉnh; Trung tâm y tế cấp huyện	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách về khám, chữa bệnh; bảo hiểm y tế	Bệnh viện đa khoa tỉnh; Trung tâm y tế cấp huyện; BHXH tỉnh	Sở Y tế	Thường xuyên
3.3	Sự phù hợp của chính sách giáo dục tại địa phương	78,18	88,18	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, trường học, lớp học, đánh giá học sinh, thủ tục nhập học, ... - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp; UBND cấp huyện	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, trường học, lớp học, đánh giá học sinh, thủ tục nhập học, ...	Trường học các cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện	Thường xuyên

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
3.4	Sự phù hợp của chính sách trật tự, an toàn xã hội	78,26	88,26	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về quản lý dân cư, giữ gìn trật tự nơi công cộng, quản lý an ninh mạng, phòng chống tội phạm,... - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về trật tự, an toàn xã hội	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện các quy định về giữ gìn trật tự nơi công cộng, an ninh mạng, phòng chống tội phạm,...	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Công an tỉnh	Thường xuyên
3.5	Sự phù hợp của chính sách giao thông đường bộ	70,98	80,98	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về phát triển đường bộ, giao thông đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ,... - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về giao thông đường bộ	Sở Giao thông vận tải; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng các quy định về giao thông đường bộ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Giao thông vận tải; Công an tỉnh	Thường xuyên

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
3.6	Sự phù hợp của chính sách điện sinh hoạt	73,86	83,86	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về cung cấp, quản lý, sử dụng, phát triển điện sinh hoạt, giá điện, chất lượng điện sinh hoạt,... - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về điện	Sở Công thương	Công ty Điện lực Bắc Kạn; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng các quy định về phát triển điện sinh hoạt, chất lượng điện sinh hoạt, giá điện, sử dụng điện	Công ty Điện lực Bắc Kạn; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Công Thương	Thường xuyên
3.7	Sự phù hợp của chính sách nước sinh hoạt	75,22	85,22	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về cung cấp, quản lý, sử dụng, phát triển nước sinh hoạt, chất lượng nước sinh hoạt, giá tiền,... - Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về nước sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Một số sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng các quy định về nước sinh hoạt	Các sở, ban, ngành liên quan; Công ty Cổ phần cấp thoát nước tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thường xuyên

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
3.8	Sự phù hợp của chính sách an sinh xã hội	78,26	88,26	- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các quy định về BHXH, bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ người có công, người nghèo, người khuyết tật; hỗ trợ người dân khi gặp thiên tai;.. - Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách về an sinh xã hội	BHXH tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Một số sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Khi xây dựng các văn bản
				Triển khai thực hiện đúng các quy định về an sinh xã hội	Một số sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	BHXH tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thường xuyên
4	Kết quả tác động của chính sách	74,44	84,44				
4.1	Chính sách của địa phương đã góp phần giúp cho kinh tế của người dân, tổ chức ngày càng tốt hơn	73,45	83,45	Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc triển khai thực hiện các chính sách về phát triển kinh tế, an sinh xã hội để đẩy mạnh phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của người dân, góp phần cải thiện chỉ số hài lòng năm 2023	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các ngành liên quan	Thường xuyên
4.2	Chính sách của địa phương đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân	75,43	85,43				

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
II	NHÓM TIÊU CHÍ CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG						
1	Tiếp cận dịch vụ	76,21	86,21				
1.1	Cung cấp thông tin về giải quyết TTHC	74,98	84,98	Cung cấp thông tin về giải quyết TTHC đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ hiểu cho người dân	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
1.2	Trụ sở tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	78,26	88,26	Bộ phận Một cửa, một cửa liên thông có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ tìm, dễ thấy; sạch sẽ, văn minh			
1.3	Trụ sở làm việc giải quyết TTHC	78,67	88,67				
1.4	Trang thiết bị trụ sở tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	72,92	82,92	Đầu tư trang thiết bị Bộ phận Một cửa, một cửa liên thông đầy đủ, chất lượng, giúp người dân, tổ chức giải quyết công việc dễ dàng			
2	Thủ tục hành chính	78,74	88,74				
2.1	Niêm yết công khai các quy định TTHC	79,70	89,70	Niêm yết công khai các quy định TTHC đảm bảo đầy đủ, dễ thấy, dễ hiểu	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
2.2	Thành phần hồ sơ TTHC phải nộp	81,89	91,89	Thực hiện đúng quy định về hành phần hồ sơ TTHC, đảm bảo ít loại giấy tờ, dễ thực hiện nhưng đủ tính pháp lý			
2.3	Mức phí/lệ phí phải nộp khi thực hiện TTHC	79,21	89,21	Thu phí/lệ phí đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với thu nhập người dân, tổ chức			

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đổi đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
2.4	Thời hạn giải quyết TTHC	74,16	84,16	- Quy định thời hạn giải quyết TTHC hợp lý; giải quyết TTHC đảm bảo thời gian quy định; - Đẩy mạnh, nhân rộng việc giải quyết TTHC theo hình thức "Không chờ" tại cơ quan, đơn vị.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
3	Công chức trực tiếp giải quyết công việc	75,69	85,69				
3.1	Thái độ giải quyết công việc của công chức	76,41	86,41	Công chức, viên chức giải quyết công việc cho người dân, tổ chức giao tiếp lịch sự, lễ phép và tôn trọng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
3.2	Cung cấp thông tin về TTHC	73,95	83,95	Cung cấp thông tin về TTHC kịp thời, đầy đủ, chính xác các nội dung người dân, tổ chức yêu cầu, đề nghị			
3.3	Thực hiện hướng dẫn hồ sơ TTHC của công chức	76,25	86,25	Thực hiện hướng dẫn hồ sơ TTHC dễ hiểu, đảm bảo hướng dẫn một lần hoàn thiện được hồ sơ			
3.4	Tuân thủ các quy định về giải quyết công việc của công chức	78,18	88,18	Công chức, viên chức giải quyết công việc phải tuân thủ các quy định theo luật hiện hành			
3.5	Sự tận tình của công chức đối với người dân trong giải quyết công việc	73,66	83,66	Giải quyết công việc tận tình, đáp ứng yêu cầu của người dân, tổ chức			

TT	Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Tỷ lệ (đối đa 100%)		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2023				
4	Kết quả dịch vụ	74,48	84,48				
4.1	Kết quả về thời gian giải quyết TTHC	73,74	83,74	Kết quả giải quyết TTHC được trả đúng hoặc trước hạn	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4.2	Kết quả về nội giải quyết TTHC	75,80	85,80	Nội dung giải quyết TTHC đảm bảo đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định			
4.3	Kết quả công bằng trong giải quyết TTHC	73,86	83,86	Kết quả giải quyết TTHC đảm bảo tính công bằng, dân chủ, minh bạch			
5	Cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị	71,94	81,94				
5.1	Hình thức tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cơ quan hành chính	72,42	82,42	Tổ chức tiếp nhận phản ánh kiến nghị về TTHC bằng nhiều hình thức đa dạng giúp người dân, tổ chức dễ thực hiện phản ánh, kiến nghị	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
5.2	Thực hiện quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cơ quan hành chính	73,45	83,45	Thực hiện đúng các quy định về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị tại cơ quan, đơn vị			
5.3	Kết quả xử lý phản ánh kiến nghị của cơ quan hành chính	69,95	79,95	Đảm bảo tất cả các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức được xử lý thỏa đáng, đúng quy định của luật hiện hành			

Phụ lục 4. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHỈ SỐ QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2022 VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
	Tổng	80,00	42,41	58,57				
1	Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”	10,00	5,39	9,63				
1.1	Tri thức công dân	2,50	1,06	1,56	<p>Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng (<i>tuyên truyền tại các cuộc họp, hội nghị, niêm yết tại trụ sở làm việc và nhà văn hóa thôn/tổ phố, trang thông tin điện tử, loa truyền thanh xã,...</i>) để nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân về Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</p> <p>Đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vị trí lãnh đạo các cấp ở địa phương đến các tầng lớp nhân dân; đảm bảo mọi người dân đều hiểu biết về quyền, nghĩa vụ và chính sách liên quan</p>	<p>UBND và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã</p> <p>Các sở, ngành, UBND cấp huyện</p>	<p>Các sở, ngành, UBND cấp xã</p>	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1.2	Cơ hội tham gia	2,50	1,74	2,24	Khi xây dựng hoặc triển khai thực hiện các chính sách, tổ chức xin ý kiến góp ý của người dân, tổ chức bằng nhiều hình thức giúp mọi người dân dễ tiếp cận tham gia góp ý dễ dàng	Các sở, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Tổ chức chính trị - xã hội các cấp; Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn; Đài truyền thanh cấp xã; Báo Bắc Kạn	Khi xây dựng hoặc triển khai các chính sách
1.2	Cơ hội tham gia	2,50	1,74	2,24	Xây dựng các hình thức, kênh thông tin tạo kiện thuận lợi nhất để người dân, tổ chức phản hồi ý kiến về kết quả tác động của chính sách đến họ	Các sở, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Thường xuyên
1.3	Chất lượng bầu cử	2,50	1,59	2,09	- Triển khai các quy định về bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố đến các tầng lớp nhân dân biết thực hiện và giám sát. - Thực hiện đúng các quy định về công tác bầu Trưởng thôn/Tổ trưởng dân phố.	UBND và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp huyện	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1.4	Đóng góp tự nguyện	2,50	1,00	1,50	Công khai minh bạch đầy đủ và sử dụng có hiệu quả các khoản đóng góp của nhân dân trong đầu tư xây dựng, tu sửa các công trình công cộng, dân sinh như nhà văn hóa, làm đường giao thông nông thôn, tu sửa trường lớp... để tạo lòng tin trong nhân dân tự nguyện đóng góp; đảm bảo người dân được bàn bạc, quyết định đầu tư xây dựng các công trình công cộng, dân sinh và tự nguyện đóng góp	UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Thường xuyên
2	Chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch”	10,00	5,49	7,48				
2.1	Tiếp cận thông tin	2,50	0,93	1,43	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; - Công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ hiểu, dễ tiếp cận; - Thường xuyên cập nhật và công khai thông tin theo đúng Danh mục thông tin phải được công khai; rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp. 	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Tổ chức chính trị - xã hội các cấp; Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn; Đài truyền thanh cấp xã; Báo Bắc Kạn	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
2.2	Công khai danh sách hộ nghèo	2,50	1,89	2,39	<p>Dân chủ, công khai minh bạch việc bình xét, công nhận hộ nghèo trong năm; đối tượng được công nhận hộ nghèo phải đúng các quy định hiện hành</p> <p>- Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố và thông tin qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở;</p> <p>- Công khai trên Trang/Cổng thông tin điện tử của địa phương;</p> <p>- Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã thôn/tổ dân phố.</p>	UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Thường xuyên
2.3	Công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường	2,50	1,42	1,92	<p>- Thực hiện đúng quy định về công khai minh bạch thu, chi ngân sách cấp xã</p> <p>- Bảo đảm việc niêm yết công khai danh mục thu, chi cụ thể để nhân dân được biết và giám sát</p> <p>- Việc công khai phải cụ thể, chi tiết, hình thức công khai phải phù hợp, thuận tiện để người dân có thể tiếp cận và giám sát.</p>			Thường xuyên
2.4	Công khai kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường	2,50	1,24	1,74	<p>- Phát huy tính dân chủ trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong nhân dân, đảm bảo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi ban hành người dân được tham gia góp ý;</p> <p>- Công khai đầy đủ, kịp thời kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường theo quy định</p>	Sở Tài nguyên môi trường, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn; Đài truyền thanh cấp xã; các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với nhân dân”	10,00	4,34	5,85				
3.1	Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền	3,40	2,04	2,54	<p>Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích các chính sách liên quan đến người dân, tổ chức bằng nhiều hình thức giúp người dân, tổ chức dễ tiếp cận, dễ tìm, dễ thấy</p> <p>Chủ động tương tác tích cực với người dân thông qua các buổi tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để nâng cao trách nhiệm giải trình trực tiếp với người dân; thường xuyên tổ chức đối thoại với người dân</p> <p>Tạo mọi điều kiện để người dân tiếp xúc thường xuyên với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố</p>	Các sở, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	Thường xuyên
3.2	Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân	3,30	0,49	0,99	<p>- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, trong đó tập trung giải quyết dứt điểm, có hiệu quả những khúc mắc, khiếu nại, tố cáo của công dân.</p> <p>- Nâng cao vai trò, trách nhiệm hoạt động của Ban thanh tra nhân dân cấp cơ sở</p>	Các sở, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	
3.3	Tiếp cận dịch vụ tư pháp	3,30	1,82	2,32	<p>Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác trợ giúp pháp lý tại địa phương để người dân biết</p> <p>Dân chủ, công khai minh bạch các hoạt động tư pháp ở địa phương để tạo lòng tin cho người dân đối với các cơ quan tư pháp</p>	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
4	Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”	10,00	6,43	8,43				
4.1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền	2,50	1,58	2,08	Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức biết thực hiện và người dân giám sát, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương	Các sở, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	Thường xuyên
4.2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	2,50	1,99	2,49	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ y tế công và giáo dục công (tình trạng vòi vĩnh, lót tay trong các bệnh viện; tình trạng lạm thu trong các trường học công lập hay phụ huynh phải “bồi dưỡng” giáo viên để học sinh được quan tâm hơn)	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
4.3	Công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước	2,50	1,06	1,56	Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ, UBND cấp huyện	HĐND và Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện	
4.4	Quyết tâm chống tham nhũng	2,50	1,80	2,30	Xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí; các hành vi vòi vĩnh trong xử lý công việc, nhất là giải quyết TTHC khi phát hiện	Các sở, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã		

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
5	Chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công”	10,00	7,38	8,88				
5.1	Chứng thực/xác nhận	3,40	2,57	3,07	Nâng cao chất lượng rà soát đánh giá thủ tục hành chính về dịch vụ chứng thực, đề nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa để cắt giảm tối đa các thành phần hồ sơ rườm rà, không cần thiết, giảm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính Giải quyết hồ sơ đúng thời gian, quy trình theo quy định	Sở Tư pháp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
5.2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	3,30	2,35	2,85	Nâng cao chất lượng rà soát đánh giá thủ tục hành chính về đất đai, đề nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa để cắt giảm tối đa các thành phần hồ sơ rườm rà, không cần thiết, giảm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính Giải quyết hồ sơ đúng thời gian, quy trình theo quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
5.3	Thủ tục hành chính cấp xã/phường	3,30	2,46	2,96	Chú trọng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, trong đó duy trì thực hiện có hiệu quả Bộ phận một cửa cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân; hướng dẫn người dân cụ thể, rõ ràng khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết hồ sơ đúng thời gian, quy trình theo quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	UBND cấp xã	UBND cấp huyện; Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
6	Chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ công”	10,00	7,14	9,08				
6.1	Y tế công	2,50	2,01	2,51	Đầu tư nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện ở địa phương để phục vụ công tác khám, chữa bệnh Nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và đạo đức của đội ngũ y, bác sĩ các cấp thuộc tỉnh	Sở Y tế	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
6.2	Giáo dục tiểu học công	2,50	1,42	1,92	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị dạy học cho các trường, nhất là cấp tiểu học; đảm bảo đường sá giao thông thuận tiện, an toàn cho học sinh đến trường Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện	Các cơ quan liên quan	Thường xuyên
6.3	Cơ sở hạ tầng căn bản	2,50	1,79	2,29	Đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh Phát huy tinh thần nhà nước và nhân dân cùng làm để bê tông hóa các tuyến đường ở nông thôn phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất kinh doanh của nhân dân và học sinh đến trường Thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Công thương Sở Giao thông vận tải; UBND cấp huyện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan	Thường xuyên
6.4	An ninh, trật tự	2,50	1,86	2,36	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống tội phạm tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh, không để phát sinh diễn biến phức tạp hoặc tạo thành điểm nóng về an ninh trật tự tại địa phương	Công an tỉnh	UBND cấp xã	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
7	Chỉ số nội dung “Quản trị môi trường”	10,00	3,36	4,82				
7.1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	3,40	0,80	1,30	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh và các dự án công trình xây dựng, nhất là các dự án có nguồn thải ra sông, suối; xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
7.2	Chất lượng không khí	3,30	1,80	2,30	Giám sát chặt chẽ việc thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải thông thường, đảm bảo không khí, nguồn nước không bị ô nhiễm; chủ động ứng phó với sự cố môi trường, các vụ việc gây ô nhiễm môi trường thuộc chức năng, nhiệm vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các ngành liên quan	
7.3	Chất lượng nước	3,30	0,72	1,22	Tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ môi trường xanh, sạch, an toàn			
8	Chỉ số nội dung “Quản trị điện tử”	10,00	2,88	4,40				
8.1	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương	3,40	0,49	0,99	Đăng tải đầy đủ, kịp thời các văn bản về chế độ chính sách, quyền, nghĩa vụ của người dân; công khai thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính chứng thực, xác nhận, cấp phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... đầy đủ, cụ thể, rõ ràng, dễ tiếp cận trên cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh, của các đơn vị	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp xã	Thường xuyên

TT	Chỉ số nội dung/ Nội dung thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
8.2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương;	3,30	2,03	2,55	Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ giữa thành thị và vùng nông thôn để người dân tiếp cận, sử dụng. Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ mạng INTERNET kết nối mạng INTERNET đến các vùng nông thôn và có cơ chế khuyến khích người dân sử dụng	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
8.3	Phúc đáp qua cổng thông tin điện tử	3,30	0,36	0,86	Nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận, dễ sử dụng mục hỏi đáp trên Cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh và các đơn vị	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện	